BẢN TRÍCH YẾU LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên tác giả: Nguyễn Đức Quang

Tên luận án: ***"Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tại tỉnh Thái Nguyên".***

Ngành: Phát triển nông thôn **Mã số:** 9.62.01.16

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên

Mục tiêu nghiên cứu:

Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động và phát triển của các HTXNN , đồng thời tìm hiểu được tiềm năng, thế mạnh, cũng như những hạn chế của các HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển HTXNN ở địa phương theo định hướng phát triển bền vững, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Phương pháp nghiên cứu:

* Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp

* Phương pháp thang đo Likert:

Trong đề tài để đo lường đánh gía của đối tượng được phỏng vấn về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển HTXNN hoặc mức độ nhận định về một nội dung cụ thể, sử dụng thang đo Likert là một trong những cách phổ biến nhất (và đáng tin cậy) để thực hiện. Một thang đo Likert đo các thái độ và hành vi bằng cách sử dụng các lựa chọn trả lời để phân vùng phạm vi từ rất không ảnh hưởng đến rất ảnh hưởng. Không giống như một câu hỏi đơn "có/không", một thang thang đo Likert cho phép phát hiện ra mức độ của ý kiến.

* Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- *Phương pháp thống kê mô tả:* Sử dụng phương pháp này nhằm phân tích và đánh giá tình hình hoạt động như: Nguồn vốn góp, quy mô hoạt động, ngành nghề sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận, hoạt động của các dịch vụ đầu vào, đầu ra, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của HTX.
- *Phương pháp thống kê so sánh:* Phương pháp này được sử dụng để so sánh các tiêu chí liên quan đến thực trạng triển khai chính sách thúc đẩy HTX ứng dụng CNC, các kết quả đạt được về kinh tế, xã hội và môi trường của các HTX ứng dụng CNC vào nông nghiệptại các địa phương qua các năm và so sánh giữa các địa phương được khảo sát trên cả nước
- *Phương pháp phân tích bảng chéo (Cross-tab):* Sử dụng phương pháp này nhằm xác định và đánh giá mối tác động giữa 2 biến hay nhiều biến có mối quan hệ với nhau hay không
- *Phương pháp phân tích hồi quy đa biến:*

Phân tích hồi quy đa biến được thực hiện sau đó để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTXNN tại tỉnh Thái Nguyên đồng thời kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTXNN tại tỉnh Thái Nguyên, mô hình hồi quy bội được xây dựng có dạng.

$$PT=\beta0+\beta1\times TD+\beta2\times CS+\beta3\times ĐĐ+\beta4\times TT+\beta5\times NL+\beta6\times HT+\beta7\times KH+\varepsilon i \quad (1)$$

Trong đó PT là Phát triển HTXNN tại tỉnh Thái Nguyên ; Tiếp cận tín dụng: TD; Chính sách hỗ trợ: CS; Nguồn lực đất đai: ĐĐ; Thị trường tiêu thụ sản phẩm của HTXNN:TT; Nguồn nhân lực của HTX: NL; Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: HT; Tiếp cận khoa học công nghệ: KH.

Kết quả chính và kết luận:

Kinh tế tập thể là một thành phần kinh tế được Đảng và Nhà nước ta xác định cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Việc mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế HTX trong các ngành kinh tế là một đòi hỏi bức thiết đối với cả nước cũng như các tỉnh, thành phố.

Đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận và thực tiễn về HTXNN. Trong đó, làm rõ khái niệm HTXNN, HTXNN hoạt động hiệu quả là HTXNN thực hiện ứng dụng các loại công nghệ, kỹ thuật, vào hoạt động cung ứng dịch vụ phục vụ hoạt động kinh tế của thành viên hoặc các hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung của HTX nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, có nguồn gốc, thương hiệu và uy tín trên thị trường từ đó làm tăng lợi ích của thành viên và HTX.

Để góp phần vào việc nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển HTXNN, đề tài đã tiếp cận khái niệm kinh tế HTX từ thực tiễn lịch sử, phân tích đặc điểm, vai trò, tính vượt trội, nội dung và những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển kinh tế HTX. Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển kinh tế HTXNN ở trên thế giới trong nước. Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên Từ đó, đề tài đã đánh giá những thành tựu, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân để đề xuất mục tiêu, phương hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển nhanh chóng và đúng hướng, có hiệu quả HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên gắn với điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập và trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của nước ta.

Kết quả nghiên cứu cho thấy về cơ bản các kế hoạch đề ra đến năm 2022 đã được thực hiện, toàn tỉnh Thái Nguyên đã có 495 HTXNN chiếm 68,59% tổng số HTX. Tuy nhiên sự tăng trưởng này mới chỉ phản ánh về mặt số lượng, và có thể thấy số lượng HTXNN không đồng đều giữa các huyện; ngay trong cùng một khu vực cũng có sự phân bố không cân đối giữa các xã.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển HTXNN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy: Các loại hình HTXNN tại Thái Nguyên bao gồm các HTXNN về trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ NN, thủy sản, lâm nghiệp.Trong đó số lượng HTX trồng trọt và HTX chăn nuôi tăng mạnh về số lượng từ năm 2018 đến 2022. HTX làm về dịch vụ nông nghiệp giảm mạnh từ năm 2018 đến 2022. Diện tích chung trung bình trên một HTXNN là 4,2 ha. Độ tuổi của giám đốc HTXNN phổ biến nhất trong độ tuổi từ 21-50 tuổi, trình độ học vấn của giám đốc HTX từ trung học phổ thông trở lên chiếm tới 93%. Vốn điều lệ của các HTX trung bình khoảng 723 triệu đồng. Nguồn

vốn hoạt động của các HTX ở Thái Nguyên chủ yếu là các nguồn huy động từ thành viên chiếm 77,1% trong tổng nguồn vốn, vay ngân hàng chiếm 15,6 % và hỗ trợ từ các dự án chương trình của nhà nước chiếm 7,3%

Doanh thu và lợi nhuận của HTX có xu hướng tương quan thuận chiều với mức vốn đầu tư chung của HTX. Các lợi ích mà phần lớn các thành viên HTX NN nhận được khi tham gia HTX bao gồm: được hỗ trợ các thủ tục cấp chứng nhận tiêu chuẩn như VietGAP, VietGAPH,..., hưởng lợi từ tài sản chung của HTX như nhà kho, nhà sơ chế, kho lạnh, hoặc hệ thống truy xuất nguồn gốc, được HTX bao tiêu hoặc giới thiệu các đơn vị thu mua sản phẩm, được giám sát của HTX đối với các quy trình, kỹ thuật sản xuất theo các tiêu chuẩn quy định.

Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển HTXNN tại Thái Nguyên bao gồm các nhóm yếu tố: Nguồn lực của HTX, chính sách hỗ trợ, khoa học công nghệ, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng của địa phương, tín dụng, thị trường. Kết quả đánh giá bằng phương pháp Likert cho thấy chỉ có yếu tố về điều kiện tự nhiên là ảnh hưởng ở mức 2,9- 3,3 điểm còn lại tất cả các yếu tố kể trên đều ảnh hưởng ở mức trên 3,7 điểm trở lên đến 4,7 điểm.

Kết quả phân tích hàm hồi quy đa biến cho thấy: Tiếp cận tín dụng, chính sách hỗ trợ, nguồn lực đất đai, thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, khoa học kỹ thuật đều có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương cho thấy các biến đều có ảnh hưởng tích cực tới phát triển HTXNN. Các hệ số hồi quy chuẩn hóa cho thấy cơ sở hạ tầng và trang thiết bị (0,589), chính sách hỗ trợ (0,536); tiếp cận tín dụng (0,535) và thị trường tiêu thụ sản phẩm (0,524) có tác động mạnh nhất đến phát triển HTXNN.

Kết quả phân tích của đề tài cũng chỉ ra có 5 hạn chế chính trong quá trình phát triển HTXNN đó là khó khăn về tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các HTX NN, khó khăn về nguồn lực đất đai của HTX NN, khó khăn trong tiếp cận khoa học công nghệ và tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản.

Về tác động của các chính sách hỗ trợ của nhà nước và địa phương đến phát triển HTXNN, hầu hết các chính sách đều có ảnh hưởng mạnh đến quá trình phát triển của HTXNN. Một số chính sách còn chồng chéo và chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế của các HTXNN. Việc thực thi chính sách còn gặp nhiều khó khăn. Đề tài cũng tìm ra 7 nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy HTXNN phát triển.

Những giải pháp được nêu ra là nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên, củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước đối với quản lý HTX ở các cấp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho những cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể từ tỉnh đến huyện, chính sách cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho HTXNN, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa để hình thành nhu cầu hợp tác đích thực, mạnh dạn đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xúc tiến thương mại của các HTXNN, hình thành quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, xây dựng mô hình hợp tác xã

điểm trong từng lĩnh vực và có từng giải pháp cụ thể cho từng loại hình HTX trong thời gian tới. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên và triển khai một số mô hình HTX hoạt động có hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng trong toàn bộ quá trình đổi mới và phát triển mô hình HTX của tỉnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Nguyên nói riêng, cả nước nói chung.

Để phát triển HTXNN, trong thời gian tới, các cấp chính quyền Trung ương và địa phương cần xem xét hoàn thiện một số chính sách hỗ trợ, tạo động lực cho các HTX, tập trung vào: Chính sách ưu đãi về tín dụng, chính sách ưu đãi về đất đai; hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ về bồ dưỡng, đào tạo cho các đối tượng tham gia vào lĩnh vực kinh tế tập thể; hỗ trợ về cơ sở hạ tầng và chế biến cho các HTXNN.

Xác nhận của cán bộ hướng dẫn	**Nghiên cứu sinh**
GS.TS. Đinh Ngọc Lan	**Nguyễn Đức Quang**

DISSERTATION ABSTRACT

Ph.D candidate: Nguyen Duc Quang
Dissertation title: ***"Development of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province".***
Speciality: rural development; Code: 9.62.01.16
Training institution: University of Agriculture and Forestry - Thai Nguyen University
Purposes of study:
Analyze and evaluate the current status of operations and development of agricultural cooperatives, and at the same time understand the potential, strengths, and limitations of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province, thereby proposing a number of solutions to improve the efficiency of operations and develop agricultural cooperatives in the locality in the direction of sustainable development, contributing to improving productivity, quality, and added value, promoting restructuring of the agricultural sector, and building new rural areas.
Study methods:
* Methods of collecting primary and secondary data
* Likert scale method: In the topic of measuring the assessment of the interviewee on the level of influence of factors on the development of agricultural cooperatives or the level of opinion on a specific content, using the Likert scale is one of the most popular (and reliable) ways to do it. A Likert scale measures attitudes and behaviors by using response options that range from very uninfluenced to very influential. Unlike a single "yes/no" question, a Likert scale allows for the discovery of the level of opinion.
* Data analysis and processing methods

- Descriptive statistical method: Use this method to analyze and evaluate the operating situation such as: Capital contribution, scale of operations, production and business lines, revenue and profit, and activities of the company. Input and output services and product consumption services of the cooperative.
- Comparative statistical method: This method is used to compare criteria related to the current status of implementing policies to promote cooperatives applying CNC, the achieved economic, social and environmental results. of cooperatives applying CNC in agriculture in localities over the years and comparisons between surveyed localities across the country
- Cross-tab analysis method: Use this method to determine and evaluate the impact between two or more variables and whether they are related to each other or not.
- Multivariate regression analysis method:

Multivariate regression analysis was then performed to identify factors affecting the development of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province and test the research hypotheses.
To identify factors affecting the development of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province, a multiple regression model was built in the form.

$$PT=\beta0+\beta1\times TD+\beta2\times CS+\beta3\times ĐĐ+\beta4\times TT+\beta5\times NL+\beta6\times HT+\beta7\times KH+\varepsilon i \quad (1)$$

In which PT is the Development of Agricultural Cooperatives in Thai Nguyen province; Access to credit: TD; Support policy: CS; Land resources: DD; Market for consuming agricultural cooperative products: TT; Human resources of cooperatives: NL; Infrastructure and equipment: HT; Access to science and technology: KH.

Main results and conclusion:

Collective economy is an economic component that our party and state have identified together with the state economy to become the foundation of the national economy, playing a very important role in the development of the market economy in our country today. Expanding and improving the efficiency of cooperative economic activities in economic sectors is an urgent requirement for the whole country as well as provinces and cities.

The topic has systematized the theoretical and practical basis of agricultural cooperatives. In particular, clarifying the concept of agricultural cooperatives, effective agricultural cooperatives are agricultural cooperatives that apply various types of technology and techniques to the provision of services to serve the economic activities of members or the concentrated production and business activities of cooperatives to create products with high productivity, quality, efficiency, origin, brand, and reputation in the market, thereby increasing the benefits of members and cooperatives.

To contribute to the research and propose solutions for the development of agricultural cooperatives, the topic has approached the concept of cooperative economy from historical practice, analyzed the characteristics, roles, superiority, content, and factors affecting the process of formation and development of cooperative economies. Researched the experience of developing agricultural cooperative economies in the world and in the country. Analyzed and evaluated the current status of agricultural cooperative development in Thai Nguyen province. From there, the topic has evaluated the achievements, limitations, shortcomings, and causes to propose goals, directions, and solutions to promote rapid and effective development of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province associated with the conditions of market economic development, integration, and in the process of promoting industrialization and modernization of agriculture and rural areas of our country.

The research results show that basically the plans set out until 2022 have been implemented, the whole Thai Nguyen province has 495 agricultural cooperatives, accounting for 68.59% of the total number of cooperatives. However, this growth is only reflected in terms of quantity, and it can be seen that the number of agricultural cooperatives is not uniform among districts; even in the same area, there is an unbalanced distribution among communes.

The results of the study on the current status of agricultural cooperative development in Thai Nguyen province show that: Types of agricultural cooperatives in Thai Nguyen include agricultural cooperatives on cultivation, livestock, agricultural services, aquaculture, and forestry. In which, the number of cooperatives on

cultivation and livestock increased sharply from 2018 to 2022. Cooperatives on agricultural services decreased sharply from 2018 to 2022. The average total area of an agricultural cooperative is 4.2 hectares. The age of the director of an agricultural cooperative is most commonly between 21 and 50 years old, the educational level of the cooperative director from high school or higher accounts for 93%. The charter capital of the cooperatives is, on average, about 723 million VND. The operating capital of cooperatives in Thai Nguyen is mainly mobilized from members, accounting for 77.1% of the total capital, bank loans accounting for 15.6%, and support from state program projects accounting for 7.3%. The revenue and profit of cooperatives tend to be positively correlated with the total investment capital of the cooperative. The benefits that most agricultural cooperative members receive when participating in cooperatives include: being supported with procedures for granting standard certifications such as VietGAP, VietGAPH, etc.; benefiting from the cooperative's common assets such as warehouses, processing facilities, cold storage, or traceability systems, being guaranteed by the cooperative or introduced to product purchasing units, being supervised by the cooperative for production processes and techniques according to prescribed standards. Factors affecting the development of agricultural cooperatives in Thai Nguyen include groups of factors: Cooperative resources, support policies, science and technology, local infrastructure, credit, and market. The results of the Likert method show that only the factor of natural conditions has an impact of 2.9–3.3 points, while all the above factors have an impact of 3.7 points or more, up to 4.7 points. The results of the multivariate regression analysis show that access to credit, support policies, land resources, product consumption markets, human resources, infrastructure and equipment, science, and technology are all statistically significant and have positive signs, indicating that all variables have a positive impact on the development of agricultural cooperatives. The standardized regression coefficients show that infrastructure and equipment (0.589), support policies (0.536); access to credit (0.535), and product consumption market (0.524) have the strongest impact on the development of agricultural cooperatives.

The analysis results of the topic also show that there are 5 main limitations in the development process of agricultural cooperatives, which are difficulties in accessing credit capital of agricultural cooperatives, difficulties in land resources of agricultural cooperatives, difficulties in accessing science and technology, and difficulties in accessing agricultural product consumption markets.

Regarding the impact of state and local support policies on the development of agricultural cooperatives, most policies have a strong impact on the development process of agricultural cooperatives. Some policies are still overlapping and not really suitable for the actual conditions of agricultural cooperatives. Policy implementation still faces many difficulties. The topic also finds 7 main causes leading to limitations in the implementation of support policies to promote the development of agricultural cooperatives.

Certified by the supervisors	Ph.D candidate
Prof. Dr. Dinh Ngoc Lan	**Nguyen Duc Quang**